

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LẠC
TỈNH CAO BẰNG**

Bản án số: 11/2022/HS-ST
Ngày 19-4-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Lâu

Ông Đặng Văn Ấy

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Mã Hùng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 19-4-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HS ngày 07-3-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS ngày 17-3-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/HSST-QĐ ngày 28-3-2022 đối với các bị cáo:

1. Triệu Văn N (tên gọi khác: Kg có), sinh ngày 01 tháng 10 năm 1994 tại xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm PB, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: Mù chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Kg; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Chòi C, sinh năm 1967 và bà Triệu Mùi M, sinh năm 1965; có vợ là Lý Thị T, sinh năm 2005; con: bị cáo có 01 con sinh năm 2019; tiền án: 01 (ngày 26-9-2019 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản); tiền sự: Kg; nhân thân: Xấu (ngày 09-11-2021 Công an huyện Bảo Lạc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy); Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-9-2021 cho đến nay, có mặt.

2. Triệu Văn K (tên gọi khác: Kg có), sinh ngày 17 tháng 9 năm 1984 tại xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: Xóm PB, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng (nơi cư trú là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú); nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Kg; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Chòi D, sinh năm 1963 và bà Đặng Mùi D, sinh năm 1959; có vợ là

Đặng Mùi P, sinh năm 1986; con: bị cáo có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: 01 (ngày 26-9-2019 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản); tiền sự: Kg; nhân thân: Xấu (ngày 09-11-2021 Công an huyện Bảo Lạc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy); Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25-01-2022 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa* bà Nguyễn Thị T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho Triệu Văn N, vắng mặt có lý do.

- *Người bào chữa* bà Nguyễn Thị Dạ T - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho Triệu Văn K, vắng mặt có lý do.

- *Bị hại*: Bà Đặng Mùi D, sinh năm 1978; nơi cư trú: Xóm PP, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Ma A P sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm KD, xã TS, huyện BK, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 30-8-2021, Triệu Văn N sinh năm 1994 trú tại xóm PB, xã HT, huyện BL trên đường đi tìm mua lợn con thì gặp Triệu Văn K sinh năm 1984 (là người cùng xóm với N), N rủ K đi cùng, K đồng ý. Sau đó, cả hai cùng đi đến nhà bà Đặng Mùi D sinh năm 1978 trú tại xóm PP, xã HT, huyện BL. Cả N và K cùng gặp và ngồi uống nước với chồng bà D tên là Bàn Sành Liảng sinh năm 1970, sau đó hỏi mua lợn con nhưng gia đình Kg có lợn con chỉ có lợn to để bán. Uống nước được khoảng 10 phút thì N và K đứng dậy đi về. Khi đi đến vị trí gần cửa chính của gia đình bà D, thấy trên chiếc loa để cạnh cửa có 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh đen, quan sát 02 (hai) vợ chồng bà D Kg để ý nên N đã lấy trộm chiếc điện thoại vứt vào túi quần. Sau đó, N, K cùng ông Liảng đi xuống gầm sàn để xem lợn. Lúc xem lợn N có trao đổi giá mua lợn to với ông Liảng, tuy nhiên Kg thống nhất được giá nên N và K đi về. Đi cách nhà bà D khoảng 20 mét thì N lấy điện thoại vừa trộm được ra kiểm tra và đưa cho K xem thì thấy điện thoại màn hình đã bị vỡ. Sau đó, cả hai cùng nhau đi bộ đến vị trí chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 20N7 - 7490 rồi N cất điện thoại và cùng K đi về. Đi đến ngã ba đường đi xã Sơn Lộ, huyện Bảo Lạc thì gặp ông Ma A P sinh năm 1987, trú tại xóm KD, xã TS, huyện BK, tỉnh Cao Bằng đang đi tìm mua gà, chó thuộc khu vực xóm PP, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng và N hỏi P có mua

điện thoại Kg, P hỏi điện thoại ở đâu thì N và K đi bộ trên đường hướng Hưng Thịnh - Sơn Lộ một đoạn rồi N đứng đợi, K tiếp tục đi khoảng 03 (ba) mét đến đoạn có rãnh mương thoát nước rồi cúi xuống nhặt điện thoại đưa cho N thỏa thuận bán chiếc điện thoại vừa trộm được cho P với số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) rồi N xin thêm 20.000đ (*hai mươi nghìn đồng*) để đổ xăng và P đồng ý, khi mua bán điện thoại P hỏi mật khẩu để mở khóa màn hình thì N và K nói Kg biết do điện thoại nhặt được, P tin tưởng và đồng ý mua. Quá trình mua bán thì N là người trực tiếp giao dịch với P bằng tiếng dân tộc Mông. Sau khi bán được điện thoại, trên đường đi về nhà thì N và K gặp vợ chồng bà Đặng Mùi D, vợ chồng bà D có hỏi N và K có được lấy điện thoại của bà D Kg thì cả hai đều trả lời là “Kg được lấy điện thoại”. Sau đó, N dùng số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) vừa bán điện thoại để đi mua ma túy với Bàn Sành K được 01 (một) gói và cùng K sử dụng hết tại nhà của K. Sử dụng ma túy xong, N và K đi về nhà của mình.

Đối với vợ chồng bà D sau khi hỏi N và K Kg nhận đã lấy điện thoại nên đã đến Công an xã HT, huyện BL để trình báo sự việc. Sau khi biết tin vợ chồng bà D đến Công an xã HT, huyện BL trình báo sự việc, rạng sáng ngày 31-8-2021 N và K cùng nhau đi đến nhà bà D để xin lỗi và cùng góp tiền bồi thường cho bà D tổng số tiền là 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

Ngày 08-9-2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 19 định giá: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu xanh đen, đã qua sử dụng, màn hình đã bị nứt vỡ (Kg truy thu được tài sản). Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 17-9-2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Lạc kết luận 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu xanh đen, màn hình đã bị nứt vỡ, đã qua sử dụng hiện chưa truy thu được có giá là 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*).

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Triệu Văn N và Triệu Văn K tại nhà Bàn Sành K, ngày 09-11-2021 Công an huyện Bảo Lạc ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với hình thức là phạt tiền.

Ngày 13-01-2022 Công an huyện Bảo Lạc đã tạm giữ đồ vật, tài liệu đối với Ma A P sinh năm 1987, trú tại xóm Khau Dề, xã Thái Sơn, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu xanh đen, màn hình bị nứt vỡ (điện thoại Kg lắp sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại Đặng Mùi D trình bày: Chiếc điện thoại của bà D đã được thu hồi nên Bà yêu cầu được lấy lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C3 màu xanh đen, còn số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) thì đề nghị trả lại cho bị cáo N và bị cáo K. Ngoài ra, bị hại Kg yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm và Kg yêu cầu Tòa án phải giải quyết về trách

nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ma A P trình bày: Trong quá trình trao đổi mua bán điện thoại với N và K thì ông P hoàn toàn Kg biết chiếc điện thoại Ông mua là do trộm cắp mà có, vì lúc ông P hỏi điện thoại này lấy ở đâu thì cả N và K đều nói bằng tiếng Việt (tiếng kinh) là “Chiếc điện thoại này Kg phải trộm cắp mà là nhặt được” do tin tưởng nên ông P đã mua chiếc điện thoại này với giá là 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) sau đó N có xin thêm 20.000đ (*hai mươi nghìn đồng*), tổng cộng số tiền mà ông P đưa cho N là 120.000đ (*một trăm hai mươi nghìn đồng*). Ông P yêu cầu N và K trả lại cho ông P 120.000đ (*một trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền mua điện thoại, tiền phá khóa điện thoại là 70.000đ (*bảy mươi nghìn đồng*), tiền xăng xe đi lại cả hai chiều là 110.000đ (*một trăm mười nghìn đồng*), tổng cộng là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). Tại phiên tòa, ông P xác nhận bị cáo N, bị cáo K cùng góp trả đủ cho ông P số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nay ông P Kg yêu cầu các bị cáo phải trả thêm bất cứ khoản tiền nào và cũng Kg yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSBL ngày 28-02-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc truy tố bị can Triệu Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và bị can Triệu Văn K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Triệu Văn N về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Triệu Văn K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Triệu Văn N từ 6 tháng đến 9 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Triệu Văn K từ 9 tháng đến 12 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Kg đề nghị áp dụng.

Về vật chứng của vụ án: Trả lại cho bị hại Đặng Mùi D 01 (một) vỏ hộp điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu vàng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu xanh đen.

Trả lại số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) cho bị cáo Triệu Văn N và bị cáo Triệu Văn K.

Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Kg yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Triệu Văn N, người bào chữa nhất trí với tội danh của Kiểm sát viên truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố sau đây: Hành vi phạm tội của bị cáo đơn giản, sau khi thực hiện hành vi trộm cắp N đã cùng K đến nhà bị hại để bồi thường với số tiền 1.750.000đ (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) trong tổng số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị cáo N đã rất thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình với thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo N hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt theo đề xuất của đại diện Viện kiểm sát.

Tại bản luận cứ bào chữa cho bị cáo Triệu Văn K, người bào chữa nhất trí với tội danh của Kiểm sát viên truy tố bị cáo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các yếu tố sau đây: Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã đưa ra lời khai và thừa nhận về việc biết điện thoại là do N trộm được của bà D và được N nhờ cầm điện thoại từ nương cách đó 3 (ba) mét lên cho N, tuy nhiên việc N có ý định bán điện thoại và bán được bao nhiêu thì bị cáo K Kg biết do Kg hiểu tiếng dân tộc Mông. Bị cáo K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Bị cáo K và bị cáo N cùng nhau góp được 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và đi đến nhà bà D để bồi thường. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, học vấn 5/12, thiếu hiểu biết về pháp luật nên đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt là phạt tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng. Tại phần tranh luận bị cáo Triệu Văn N, bị cáo Triệu Văn K, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Kg có ý kiến tranh luận và đều nhất trí với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, bản ảnh xác định hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đủ căn cứ và cơ sở kết luận: Ngày 30-8-2021 Triệu Văn N đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu xanh đen, màn hình bị nứt vỡ của bà Đặng Mùi D. Sau đó, bán cho Ma A P gặp trên đường về nhà, địa điểm mua bán tại đoạn đường thuộc xóm PP, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, khi bán điện thoại cho P thì Triệu Văn K được đi lấy điện thoại từ nương thoát nước đưa cho N để bán dù bị cáo K biết đây là tài sản do N trộm cắp mà có và N bán được với tổng số tiền là 120.000đ (*một trăm hai mươi nghìn đồng*), rồi dùng 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) mua ma túy để cùng nhau sử dụng. Hội đồng định giá 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu xanh đen, màn hình bị nứt vỡ, đã qua sử dụng có giá là 900.000đ (*chín trăm nghìn đồng*). Ngày 07-7-2020 bị cáo Triệu Văn N chấp hành xong hình phạt theo Bản án số 35/2019/HS-ST ngày 26-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, đến ngày 30-8-2021 bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhưng chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Còn bị cáo K phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ mà Viện kiểm sát đưa ra là đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến trật tự trị an, gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi trộm cắp, tiêu thụ tài sản do trộm cắp mà có là vi phạm nhưng vì lợi ích cá nhân nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử cân nhắc hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

[2] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Triệu Văn N sinh ra và lớn lên tại xóm PB, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo là người có sức khỏe, sống trong môi trường xã hội lành mạnh. Bị cáo có nhân thân xấu (ngày 09-11-2021 Công an huyện Bảo Lạc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy). Bị cáo có 01 tiền án (ngày 26-9-2019 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản), bị cáo Kg có tiền sự. Bị cáo Kg phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo

N cùng bị cáo K góp tiền đến nhà bị hại D bồi thường cho bị hại số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

Bị cáo Triệu Văn K sinh ra và lớn lên tại xóm PB, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo là người có sức khỏe, sống trong môi trường xã hội lành mạnh. Bị cáo có nhân thân xấu (ngày 09-11-2021 Công an huyện Bảo Lạc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy). Bị cáo có 01 tiền án (ngày 26-9-2019 Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản), bị cáo Kg có tiền sự. Ngày 05-9-2020 bị cáo K chấp hành xong hình phạt theo Bản án số 35/2019/HS-ST ngày 26-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, do đó tính đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo K cùng bị cáo N góp tiền đến nhà bị hại D để cùng nhau bồi thường cho bị hại số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*). Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

Với tính chất, mức độ gây nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và quy định của pháp luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt và đến ngày thực hiện hành vi phạm tội mới các bị cáo chưa được xóa án tích lẽ ra các bị cáo phải biết ăn năn, hối cải, lấy đó làm bài học nhưng các bị cáo Kg chịu tu dưỡng, rèn luyện, làm ăn lương thiện mà lại tiếp tục phạm tội do đó cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có thể giúp các bị cáo cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội, góp phần giáo dục người khác ý thức tôn trọng pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm. Xét đề nghị áp dụng pháp luật và ra mức hình phạt đối với các bị cáo của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy các bị cáo Kg có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử Kg áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Kg yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại và Kg yêu cầu Tòa án phải giải quyết về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử Kg xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng, tài sản của vụ án: Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần xử lý như sau:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu xanh đen, màn hình bị nứt vỡ là điện thoại của bị hại Đặng Mùi D nên cần trả lại cho bị hại.

- 01 (một) vỏ hộp điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu vàng, bị hại nộp cho Công an huyện Bảo Lạc để phục vụ quá trình điều tra. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu được lấy lại vỏ hộp điện thoại nên cần trả lại cho bị hại Đặng Mùi D vỏ hộp điện thoại nói trên.

- Số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) là tiền các bị cáo cùng góp vào bồi thường cho bị hại (mỗi người 1.750.000đ). Tại phiên tòa, bị hại đề nghị trả lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C3 màu xanh đen cho Bà. Còn số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) đề nghị trả lại cho bị cáo N và bị cáo K. Do đó, cần trả lại cho bị cáo N và bị cáo K số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

[6] Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo N được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo K, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo K được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với đề nghị cho bị cáo K hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự là Kg đủ căn cứ, bởi lẽ trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo K còn khai báo quanh co, chưa thật sự thành khẩn; Còn tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự người bào chữa cho rằng bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thiếu hiểu biết về pháp luật nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo học đến lớp 5/12 và bị cáo đã từng bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản và đã chấp hành xong hình phạt trở về địa phương nên bị cáo có thể nhận thức được hành vi của mình thực đã thực hiện là sai, là pháp luật nghiêm cấm. Do đó, xử phạt bị cáo với hình phạt tiền là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) theo đề nghị của người bào chữa là chưa thật sự đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và chưa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Chính vì vậy, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo K được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự Kg được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với Bàn Sành K là người bán ma túy cho Triệu Văn N vào ngày 30-8-2021, sau khi tiến hành khám xét chỗ ở của K thì phát hiện và bắt quả tang K đang có hành vi bán ma túy cho Triệu Văn K. Hành vi của Bàn Sành K đã bị Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy trong một vụ án khác.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn N 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Triệu Văn K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Triệu Văn K 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Kg yêu cầu Tòa án giải quyết về việc bồi thường thiệt hại.

3. Về xử lý vật chứng, tài sản:

Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị hại Đặng Mùi D trú tại xóm PP, xã HT, huyện BL, tỉnh Cao Bằng 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu xanh đen, màn hình bị

nút vỡ có số IMEI 1: 860750042360437, số IMEI 2: 860750042360429 (điện thoại cũ, đã qua sử dụng) và 01 (một) vỏ hộp điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3 màu vàng.

- Trả lại cho bị cáo N và bị cáo K số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*), mỗi người là 1.750.000đ (*một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng tạm giữ số tiền lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

Xác nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc đã chuyển vật chứng, tài sản trên sang cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bảo Lạc tại biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30-11-2021 và ngày 02-3-2022.

4. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo Triệu Văn N, bị cáo Triệu Văn K mỗi người phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng, huyện Bảo Lạc;
- Công an huyện Bảo Lạc;
- THAHS Công an huyện Bảo Lạc;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lạc;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- UBND xã HT, huyện BL;
- Lưu: HS; THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Hồng Vân

